

LUẬN TỶ BÀ SA

QUYỂN 4

Chương Lớn: **GIẢI THÍCH VỀ MƯỜI MÔN**

Hai mươi hai căn, mười tám giới, mười hai nhập, năm ấm, năm tịnh ấm, sáu giới.

Pháp sắc, pháp không có sắc, pháp có thể thấy, pháp không thể thấy, pháp có đối, pháp không có đối, pháp hữu lậu, pháp vô lậu, pháp hữu vi, pháp vô vi, pháp quá khứ, pháp vị lai, pháp hiện tại, pháp thiện, pháp bất thiện, pháp vô ký, pháp thuộc cõi Dục, pháp thuộc cõi Sắc, pháp thuộc cõi Vô Sắc, pháp hữu học, pháp vô học, pháp phi học phi vô học, pháp kiến đoạn, pháp tư duy đoạn, pháp vô đoạn.

Bốn đế, bốn thiên, bốn đẳng, bốn định Vô Sắc, tám giải thoát, tám trừ nhập, mười nhất thiết nhập, tám trí, ba tam-muội, ba kiết, ba căn bất thiện, ba hữu lậu, bốn lưu, bốn ách, bốn thọ, bốn phược, năm cái, năm kiết, năm kiết phần dưới, năm kiến, sáu thân ái, bảy sử, chín kiết, chín mươi tám sử.

Phần Thứ Mười Sáu: **XỨ CỦA HAI MƯỜI HAI CĂN**

Hai mươi hai căn gồm nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn, ý căn, nam căn, nữ căn, mạng căn, lạc căn, khổ căn, hỷ căn, ưu căn, hộ (xả) căn, tín căn, tinh tiến căn, niệm căn, định căn, tuệ căn, vị tri căn, dĩ tri căn, vô tri căn.

Hỏi: Vì sao người soạn kinh dựa vào hai mươi hai căn để soạn luận?

Đáp: Vì ý của người soạn kinh kia muốn thế, cũng như điều mình mong muốn, tức việc soạn kinh sẽ không trái với pháp. Vì thế nên dựa vào hai mươi hai căn mà soạn luận.

Hoặc nói: Người soạn kinh kia vô sự.

Hỏi: Vì sao người soạn kinh kia vô sự?

Đáp: Vì đây là Khế kinh của Phật, Khế kinh của Phật nói hai mươi hai căn, người soạn kinh ấy đã dựa vào nội dung của Khế kinh Phật đã có, rồi ở trong A-tỳ-đàm này soạn luận. Người soạn kinh kia không thể giảm một căn trong hai mươi hai căn để lập hai mươi một, hoặc thêm một căn để lập thành hai mươi ba.

Hỏi: Vì sao?

Đáp: Vì tất cả Khế kinh của Phật cũng không thêm, cũng không bớt. Không thêm là không thêm để có thể bớt. Không bớt là không bớt để có thể thêm. Như không thêm, không bớt, như thế vô lượng sâu, vô biên. Vô lượng sâu là vô lượng nghĩa, vô biên là vô biên vị. Như biển cả là vô lượng sâu, vô biên. Như thế, Khế kinh của Phật cũng vô lượng sâu, vô biên. Vô lượng sâu xa là vô lượng nghĩa, vô biên là vô biên vị.

Như Tôn giả Xá-lợi-phất, có thể sánh với trăm ngàn na-thuật, dùng hai câu trong Khế kinh của Phật để soạn trăm ngàn kinh, sao cho trí đã vận dụng tận cùng mà chỗ trụ không thể tận cùng Khế kinh của Phật.

Hoặc nói: Đạt được bến bờ, như luận này đối với Khế kinh Phật, cho nên người soạn kinh là vô sự.

Hỏi: Không nói đến người soạn kinh kia, chỉ hỏi vì sao Khế kinh của Phật nói hai mươi hai căn?

Đáp: Phật, Thế Tôn vì giáo hóa chúng sinh nên nói hai mươi hai căn. Người tiếp nhận sự giáo hóa kia cần phải biết về hai mươi hai căn.

Hoặc nói: Khế kinh có gốc, có ngọn, có nhân, có duyên.

Hỏi: Khế kinh có gốc, có ngọn thế nào?

Đáp: Có người nói: Có Phạm chí Sinh Văn, sau khi ăn trưa xong, đi dạo quanh quần rồi đến chỗ Đức Thế Tôn. Đến nơi cùng đứng trước Đức Thế Tôn, thăm hỏi rồi ngồi sang một phía. Phạm chí Sinh Văn bạch Thế Tôn: Thưa Cù-đàm! Tôi có một vài câu định hỏi, cho phép tôi được hỏi, xin giải thích cho tôi nghe.

Đức Thế Tôn bảo: Phạm chí! Ông muốn hỏi điều gì cứ hỏi.

Phạm chí nói: Thưa Cù-đàm! Căn nghĩa là căn. Thưa Cù-đàm! Căn có bao nhiêu thứ? Thưa Cù-đàm! Thế nào là căn? Thế nào là chỗ thâm tóm của căn? Xin nêu bày rõ.

Đức Thế Tôn bảo: Phạm chí! Có hai mươi hai căn, từ nhãn căn cho đến vô tri căn. Nay Phạm chí! Có ngần ấy căn. Như thế, mỗi căn, Như lai đã theo đó mà thiết lập.

Phạm chí! Nếu nói như thế, thì đó chẳng phải căn.

Như chỗ Sa-môn Cù-đàm đã thiết lập, tôi sẽ bỏ căn này để thiết lập căn khác.

Phạm chí kia chỉ nói như thế, chỉ nêu câu hỏi xong, không biết về tăng ích, nên sinh ra tối tăm. Vì sao? Vì không phải là cảnh giới của họ, như Phạm chí hỏi, Phật đáp.

Cho nên Khế kinh không cầu tìm tòi về gốc, ngọn nhưng ở đây thì nên tìm tòi.

Hỏi: Vì sao Phạm chí kia chỉ hỏi về căn mà không hỏi về giới, nhập, ấm, đế, đạo phẩm duyên khởi của quả Sa-môn?

Đáp: Có thuyết nói: Vì Phạm chí kia do nghi mà hỏi, không nghi thì không hỏi.

Hoặc nói: Vì Phạm chí kia đã khéo hay tìm kiếm điều đem lại sự vui thích. Ông ta đã đến khắp chín mười sáu thứ đạo, chỉ vì việc nêu bày về căn. Người ấy hoặc cho chỉ có một căn được nêu bày như pháp Ni-kiền, cho nên người kia đã không lật sau, không uống nước, nghĩa là chấp có tướng mạng sống của vật bên ngoài.

Hỏi: Pháp Ni kiền kia, đối với vật bên ngoài có tướng căn nào?

Đáp: Có thuyết nói là ý căn.

Lại có thuyết nói là mạng căn.

Như thế, có thuyết nói ý căn và mạng căn. Lại có thuyết lập ra hai căn: hành và ý.

Lại có thuyết lập hai căn. Nếu mắt không thấy sắc, tai không nghe tiếng, thì người kia là Thánh đã tu các căn, như Ba-la-thí nọ.

Hỏi: Vì sao gọi là Ba-la-thí?

Đáp: Vì là tên của người ấy, gọi là Ba-la-thí.

Hoặc nói: Vì họ của người ấy là Ba-la-thí. Cho nên gọi là Ba-la-thí. Như họ Bà-tha, Câu-tha, Bà-la-bà, Chiên-đề-la. Như thế, họ của người kia là Ba-la-thí, cho nên gọi là Ba-la-thí. Như mẹ dòng Sát-lợi, cha dòng Phạm chí, người này cũng gọi là Ba-la-thí. Mẹ dòng Phạm chí, cha dòng Sát Lợi, cũng là Ba-la-thí. Như từ lừa, ngựa sinh ra gọi là loa. Họ của Phạm chí này gọi là Ba-la-thí. Đệ tử của ông tên là Uất-đa-la, sau khi ăn trưa xong, tuần tự đi đến chỗ Đức Thế Tôn. Đến rồi, thăm hỏi Đức Thế Tôn rồi ngồi sang một bên. Đức Thế Tôn bảo: Uất-đa-la! Thầy ông là Ba-la-thí, có vì đệ tử giảng nói về tu căn không? Uất-đa-la bạch Thế Tôn: Có, bạch Đức Cù-đàm. Ba-la-thí có giảng nói về tu căn cho đệ tử nghe.

Đức Thế Tôn bảo: Uất-đa-la! Ba-la-thí đã vì đệ tử giảng nói về tu

căn ra sao?

Uất-đa-la thưa: Thưa Cù-đàm! Mắt không thấy sắc, tai không nghe tiếng, người kia là bậc Thánh đã tu các căn.

Đức Thế Tôn bảo: Uất-đa-la! Như thế thì kẻ mù là người đã tu tập các căn.

Uất-đa-la nói: Người mù, mắt không nhìn thấy sắc.

Lúc đó, Tôn giả A-nan đứng ở phía sau Đức Thế Tôn, tay cầm quạt hầu Thế Tôn. Tôn giả A-nan bảo Uất-đa-la: Này Uất-đa-la! Như thế thì kẻ điếc có phải người đã là tu các căn hay không?

Uất-đa-la nói: Người điếc, tai không nghe được tiếng.

Hỏi: Như Tôn giả Xá-lợi-phất, cũng như thế đã so sánh với trăm ngàn na-thuật, Đức Thế Tôn có thể đáp lại người kia có thể dứt bỏ ý. Vì sao Đức Thế Tôn đáp lần một, Tôn giả A-nan đáp lần hai? Vì sao Đức Thế Tôn không ngăn Tôn giả A-nan?

Đáp: Vì Đức Thế Tôn biết rõ lời nói của Tôn giả A-nan ngay từ lúc ông định nói. Đức Thế Tôn đã tu tập trăm ngàn khổ hạnh ròng rã trong ba A-tăng kỳ kiếp, sau cùng vẫn không dứt trừ sự biện luận của người khác. Vì lý do này, nên Đức Bổn sư khen ngợi:

*Khi đệ tử mình nói pháp
Chuyên tâm nghe, không xét đoán
Vì thế nên ở chúng nói,
Trong đó không thể vấn nạn.*

Vì lý do này, nên Đức Phật không ngăn.

Hoặc nói: Đức Thế Tôn nghĩ rằng: Tỳ-kheo A-nan nói cũng Như ta nói. Lời nói kia không thêm, không bớt. Như không thêm, không bớt, vì lẽ này nên Đức Phật không ngăn.

Hoặc nói: Vì dứt trừ ý nghĩ của người dị học kia. Nếu Đức Thế Tôn nói lần một, Tôn giả A-nan không nói lần hai, thì người dị học kia sẽ trở lại tìm trong chúng mình rồi tự khen ngợi: Thầy kia khiến ta khuất phục chứ không phải đệ tử của ông ấy. Nếu thầy ta đến, họ sẽ không thể khuất phục được.

Nếu Đức Thế Tôn nói lần một, A-nan nói lần hai, sẽ làm mất uy thế của dị học kia. Họ sẽ nghĩ: Ta không bằng với đệ tử, huống chi là thầy! Vì nhằm dứt trừ ý nghĩ của dị học kia, nên Đức Thế Tôn nói lần một, A-nan nói lần hai.

Hoặc nói: Vì Đức Thế Tôn nhằm làm thỏa mãn ý nguyện của học dị kia, khiến họ phải suy nghĩ: Sa-môn Cù-đàm này không thể khuất phục, không thể thắng được. Hầu hết các sư tài giỏi đều cho Đại sư của

họ cũng không thể khuất phục được Sa-môn Cù-đàm, huống chi ở đây ta lại có thể so sánh? Ta đúng là chỉ có thể biện luận chung với đệ tử của Sa-môn Cù-đàm.

Đức Thế Tôn thường muốn làm thỏa mãn ý mong muốn của họ, tùy theo chỗ thích hợp với sự hiểu biết của họ, vì giảng nói cho họ nghe. Thế nên vì nhằm làm thỏa mãn ý nguyện của dị học kia, nên Đức Thế Tôn không ngăn Tôn giả A-nan.

Hoặc nói: Vì đã làm sáng rõ về nghĩa, nên Tôn giả A-nan được phái Dị học kia cung kính, có thể giảng nói về Nhân đề thư, lại vì dung mạo phi phạm của Tôn giả A-nan. Đức Thế Tôn nói: Do đấy, họ đến hỏi pháp sẽ thích ứng với điều ông đã giảng nói chẳng? Nên Đức Thế Tôn nói lần một, A-nan nói lần hai.

Hoặc nói: Phái dị học kia không muốn cho đệ tử họ được nói năng, vì e đệ tử sẽ bị vấn nạn trở lại, khiến họ giảm sút uy tín chẳng còn được như trước. Đức Thế Tôn thì không có việc này. Như trí tuệ của Tôn giả Xá-lợi-phất, dù là tính bằng trăm ngàn na thuật, cũng không thể bằng Phật, huống chi là người khác. Vì thế cho nên Đức Thế Tôn đã không ngăn Tôn giả A-nan nói.

Hoặc nói: Vì hiện tại mình không có keo kiệt, ganh ghét. Hàng dị học thì không muốn cho đệ tử họ được nói năng, vì e vật cúng dường họ đã được, đệ tử cũng có được. Đức Thế Tôn không có việc này. Như Đức Thế Tôn đã được cung kính, cúng dường, thì đều muốn cho tất cả chúng sinh cùng có được. Phật không được thì đối với việc này cũng không lo buồn. Đây là nói về hiện tại vì mình không keo kiệt, ganh tỵ, nên không ngăn Tôn giả A-nan nói.

Hoặc nói: Vì Phật hiện tại khéo nói pháp đã thành tựu việc nói pháp, nên đã giảng nói toàn bộ về kiến, về tuệ, về dục, về nhẫn. Pháp của dị học kia chẳng khéo nói, như ngôi tháp bị đổ không thể nương tựa. Cũng thế, ý của họ bị hủy hoại hết, chí cũng hư hết, chí của thầy khác, chí của đệ tử khác. Pháp ở đây không có lỗi như pháp kia, chí của thầy cũng giống như đệ tử. Nghĩa đồng nghĩa, câu đồng câu, vị đồng vị, cho đến đồng đệ nhất nghĩa. Đây là nói về việc khéo nói pháp, thành tựu việc nói pháp, nên giảng nói toàn bộ về kiến, về tuệ, về dục, về nhẫn, do đó Đức Thế Tôn nói lần một, A-nan nói lần hai, nên Đức Thế Tôn không ngăn Tôn giả A-nan.

Hỏi: Đức Thế Tôn nói dị học kia có lỗi gì? Lời nói của Phạm chí kia cũng vậy, mù và điếc là bậc Thánh tu căn sao?

Đáp: Đức Phật đã đáp cho Phạm chí kia biết về lỗi rất lớn là đã

cắt đứt tất cả ý. Đức Thế Tôn nói: Nếu ông nói đui điếc là bậc Thánh tu căn, thì việc xuất gia là vô ích, cạo râu tóc là giả dối, tu phạm hạnh là luống uổng nên đã hủy hoại hai căn này: nhãn căn và nhĩ căn.

Như thế, tức là bậc Thánh tu căn, vì thế cho nên Đức Phật đã đáp lại cho Phạm chí biết về lỗi rất lớn là đứt trừ tất cả ý.

Lại có phái lập ra năm căn: hương, vị, nhãn, da và nhĩ. Hương là tỷ căn, vị là thiệt căn, nhãn là nhãn căn, da là thân căn, nhĩ là nhĩ căn, như phái Tỳ-thí-sư.

Lại có phái lập ra mười một căn: năm giác căn, năm hành căn. Năm giác căn là: nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt và thân căn. Năm hành căn: thủ căn, túc căn, khẩu căn, đại tiện căn, tiểu tiện căn, cùng với ý căn là mười một, như phái Tăng-khư.

Lại có phái lập ra một trăm hai mươi căn.

Hỏi: Phái dị học nào đã nêu ra một trăm hai mươi căn?

Đáp: Tức chín mươi tám sử và hai mươi hai căn. Nêu lên như thế nhưng ở đây không nói chi tiết, vì phái dị học kia không thể phân biệt pháp như vậy.

Hỏi: Nếu không thể phân biệt được làm sao phái dị học kia lại lập ra một trăm hai mươi căn?

Đáp: Hai nhãn, hai nhĩ, hai tỷ, thiệt căn, thân căn, ý căn, mạng căn, năm thọ căn, năm tín. Hai mươi căn này thuộc địa ngục, súc sinh hai mươi, ngạ quỷ hai mươi, cõi trời hai mươi, nhân gian hai mươi. A-tu-la cũng thuộc sáu đường nên cũng hai mươi, tức là một trăm hai mươi căn mà phái dị học kia đã thiết lập.

Lại có thuyết nói: Phái dị học kia không phải đã lập ra một trăm hai mươi căn này.

Hỏi: Nếu không như vậy thì thế nào?

Đáp: Phái dị học kia đã lập ra một trăm hai mươi Nhân-đà-la, như chỗ nói: Long chủ, Ca-lưu-la chủ, A-tu-la chủ, Thiên chủ, nhân chủ, Phạm thiên chủ, với thân tướng rất đẹp đẽ, rất cao lớn như vậy. Mỗi thân nên tiếp nhận một trăm hai mươi chủ. Phạm chí kia nghe xong, lại sinh tâm ngờ vực, không biết lấy gì để lập đệ nhất nghĩa là một căn, cho đến một trăm hai mươi căn? Phạm chí kia nghe nhà họ Thích vừa hạ sinh một đồng nam thân có ba mươi hai tướng trang nghiêm, tám mươi vẻ đẹp, sắc thân vàng ròng có ánh sáng bao quanh thân, tiếng nói phạm âm như tiếng chim Già-tỳ-lăng-già, mọi người ngẩng nhìn không nhàm chán. Đồng tử kia lúc sinh ra bước đi bảy bước, có hai rồng phun nước tắm gội.

Phạm chí ngắm xem tướng đồng tử, ghi nhận hai trường hợp: Nếu tại gia sẽ làm vua Chuyển luân, bậc Pháp vương đúng pháp. Nếu cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà sa, tin ưa bỏ nhà học đạo sẽ thành bậc Như lai Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, thế gian thấy đều nghe biết đồng tử kia đã xuất gia, học đạo, hàng phục ma và quyến thuộc của ma xong, thành bậc Tối chánh giác vô thượng, đạt được Nhất thiết trí, hiện dứt trừ tất cả nghi, truyền tất cả định quyết đoán về tất cả luận. Ta sẽ đến đó hỏi: Cái gì là đệ nhất nghĩa để lập ra một căn cho đến một trăm hai mươi căn?

Phạm chí kia bèn đến chỗ Đức Thế Tôn, đến rồi thăm hỏi Đức Thế Tôn, rồi ngồi sang một bên bạch Đức Thế Tôn rằng: Mong Cù-đàm cho phép tôi được hỏi điều tôi muốn hỏi, xin giải thích cho tôi nghe.

Đức Thế Tôn bảo: Phạm chí! Ông muốn hỏi điều chi cứ hỏi.

Phạm chí nói: Thưa Cù-đàm! Căn gọi là căn. Thưa Cù-đàm! Căn có bao nhiêu thứ? Thưa Cù-đàm! Thế nào là chỗ thuộc về của các căn? Các căn được nêu bày? Ở đây không nói ai lập ra có bao nhiêu căn?

Hỏi: Vì sao không nói?

Đáp: vì người kia suy nghĩ: Nếu ta nói thì người kia nghe xong sẽ chọn lấy chỗ trội hơn ấy để trả lời ta.

Đức Thế Tôn bảo: Phạm chí! Có hai mươi hai căn, từ nhãn căn cho đến vô tri căn.

Phạm chí này biết có ngần ấy căn. Như thế là Như lai đã nói chỗ thuộc về của các căn, các căn được lập ra.

Phạm chí thưa: Nếu nói như thế thì không phải căn này.

Như Sa-môn Cù-đàm đã lập ra, tôi sẽ bỏ căn này để lại lập căn khác.

Phạm chí kia chỉ, nêu vài câu hỏi xong, không biết sự lợi ích, sinh ra ngu si. Vì sao? Vì không phải là cảnh giới của ông ta.

Hỏi: Vì sao nói Phạm chí này biết có ngần ấy căn? Như thế Như lai đã nói chỗ thuộc về của các căn, đã lập ra các căn.

Đáp: Vì nhằm ngăn những gì Phạm chí kia đã nghe, nghĩa là Phạm chí kia đã lập ra một căn cho đến một trăm hai mươi căn. Đây không phải là lời nói của phái dị học kia, đây là Nhất thiết trí, Nhất thiết kiến, không thể thêm, bớt về hai mươi hai căn, hướng chi là phái dị học kia do kiến chấp làm hư hoại ý, thành tự trí phàm phu. Vì thế cho nên Phạm chí kia hỏi về căn, không hỏi về giới, nhập, ấm, đế, quả Sa-môn, đạo phẩm và duyên khởi.

Hai mươi hai căn là nhãn căn cho đến vô tri căn.

Hỏi: Tên gọi có hai mươi hai căn, còn chủng loại có bao nhiêu?

Đáp: A-tỳ-đàm nói: Do luận chủ nói tên gọi có hai mươi hai căn, chủng loại có mười bảy căn. A-tỳ-đàm nói có năm căn và không muốn cho năm căn: Nam căn, nữ căn, vị tri căn, dĩ tri căn, vô tri căn này xếp vào chủng loại.

Hỏi: Nam căn, nữ căn, vì sao không muốn cho xếp vào chủng loại?

Đáp: Vì người nói: Như trong A-tỳ-đàm đã nêu: Thế nào là nữ căn? Là phần ít của thân căn. Thế nào là nam căn? Là phần ít của thân căn. Vì người kia lìa bỏ thân căn, không muốn cho nam căn, nữ căn có chủng loại riêng.

Hỏi: Vị tri căn, dĩ tri căn, vô tri căn, Vì sao không muốn cho xếp vào chủng loại?

Đáp: Vì người kia nói: Chín căn này nhóm hợp nơi vị tri căn, chín căn nhóm hợp ở dĩ tri căn, chín căn nhóm hợp ở vô tri căn.

Chín căn nhóm hợp là ý căn, ba thọ căn, tín có năm. Chín căn này đôi khi là vị tri căn, đôi khi là dĩ tri căn, đôi khi là vô tri căn. Vị tri căn ở trong kiến đạo, dĩ tri căn ở trong đạo tư duy, vô tri căn ở trong đạo vô học.

Kiên tín, kiên pháp là vị tri căn trong ý, Tín giải thoát, kiến đạo, thân chứng là dĩ tri căn trong ý. Tuệ giải thoát, câu giải thoát là vô tri căn trong ý. Như chín căn ấy, hoặc là vị tri căn, hoặc là dĩ tri căn, hoặc là vô tri căn. Vì lẽ ấy, nên tên gọi kia có hai mươi hai căn, chủng loại có mười bảy.

Tôn giả Đàm-ma-đa-la nói: Tên gọi có hai mươi hai căn, chủng loại có mười bốn. Tôn giả Đàm-ma-đa-la ấy nói: Năm căn này không muốn xếp vào chủng loại.

Lại có ba: mạng căn, hộ (xả) căn, định căn cũng không muốn xếp vào chủng loại.

Hỏi: Vì sao Tôn giả kia nói mạng căn không muốn xếp vào chủng loại?

Đáp: Vì mạng căn này chẳng tương ứng với chỗ thuộc về hành ấm. Tôn giả Đàm-ma-đa-la nói chẳng tương ứng với hành ấm thì không phải là chủng loại.

Hỏi: Vì sao Tôn giả kia nói hộ (xả) căn (xả căn) không muốn xếp vào chủng loại?

Đáp: Tôn giả Đàm-ma-đa-la nói: Có ngần ấy thống (thọ) nghĩa là hoặc thọ vui, hoặc thọ khổ, nơi kia thọ nhận không vui không khổ, cũng không thể khổ, cũng không thể vui, ở đây gọi là thọ gì? (Xả thọ).

Hỏi: Khế kinh của Phật, làm sao hiểu? Như Đức Phật nói có ba thống: Lạc thống (lạc thọ), khổ thống (khổ thọ), bất khổ, bất lạc thống (bất khổ bất lạc thọ)?

Đáp: Kinh ấy nói có lạc thống (thọ), khổ thống (thọ), hoặc yếu kém, hoặc lớn mạnh, hoặc chậm lụt, hoặc nhạy bén. Nghĩa là: cảm thọ vui, khổ kém tức cảm thọ vui khổ chậm lụt, tức cảm thọ vui khổ dứt, tức là cảm thọ không vui, không khổ. Hễ lia bỏ vui khổ, tức không muốn nhận lại cảm thọ đó nữa, cho nên như vậy. Đó là lẽ cố nhiên.

Hỏi: Vì sao Tôn giả kia nói định căn không muốn xếp vào chủng loại?

Đáp: Vì Tôn giả kia đã từ kinh mà khởi xướng. Khế kinh của Phật nói: Định căn là thế nào? Ý thiện nhất tâm. Tôn giả Đàm-ma-đa-la nói: Lia ngoài tâm thì không có định chủng riêng. Vì lẽ này, nên tên gọi có hai mươi hai căn, chủng loại có mười bốn.

Tôn giả Phật-Đà-đề-bà nói: Tên gọi có hai mươi hai căn, chủng loại hoặc hai, hoặc năm. Nghĩa là danh, chủng kia đều là pháp hữu vi.

Hai phần (hai chủng loại), bốn đại và tâm (năm chủng loại) Tôn giả kia nói: Sắc căn là sự khác nhau của bốn đại. Vô Sắc căn là sự sai khác của tâm. Vì lý do này, nên tên gọi có hai mươi hai căn, chủng loại hoặc có hai, hoặc có năm.

Như thế, nghĩa là tên gọi có hai mươi hai căn, chủng loại có mười bảy.

Nếu vậy danh số, chủng số, danh tướng, chủng tướng, danh khác, chủng khác, danh riêng, chủng riêng, danh giác, chủng giác, như thế đều phải biết.

Tôn giả Cù-Sa nói: Nên nói một căn, là ý căn của đệ nhất nghĩa.

Hỏi: Vì sao?

Đáp: Vì đây là bên trong, là khắp, là cộng duyên. Bên trong là thuộc về nội nhập. Khắp là từ địa ngục A-tỳ, đến cõi thứ nhất có thể đạt được. Cộng duyên là duyên của tất cả các pháp. Nghĩa là trong tụ (uẩn) này xa lia các căn khác. Nhân, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, nam, nữ căn tuy là bên trong nhưng không phải là khắp, không phải là cộng duyên. Trong năm căn, trừ hộ (xả) căn, bốn thống (thọ), còn lại dù là cộng duyên, nhưng không phải bên trong, không phải khắp. Hộ căn và năm căn như tín, v.v... dù là khắp và cộng duyên, nhưng không phải bên trong. Vị trí căn, dĩ tri căn và vô tri căn không có chủng loại riêng, trước kia đã nói là sự nhóm hợp của căn.

Hỏi: Các căn khác do đâu mà được gọi là căn?

Đáp: Vì nương, vì dựa, vì nhiễm đấm, vì tịnh, vì đã tịnh.

Nương như nhãn căn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân căn.

Dựa cậy như mạng căn.

Nhiễm đấm như năm thống (thọ).

Tịnh như năm căn như tín, v.v...

Đã tịnh như vị tri căn, dĩ tri căn, vô tri căn.

Hỏi: Nếu vậy, nam căn, nữ căn do đâu mà được gọi là căn?

Đáp: Đây là chủng loại dâm, tính chất nhóm hợp về dâm trong cõi Dục, hai thứ ấy là nhân của nam căn, nữ căn.

Hoặc nói: Vì do năm việc:

1. Đòi đòi nối tiếp.
2. Sinh dục lạc.
3. Ngăn chặn được kiết.
4. Dựa vào đấy khởi thức thân nhiễm ô.
5. Người quyết định hành dâm.

Đòi đòi nối tiếp là thai sinh.

Sinh dục lạc là người dâm kia ở chỗ này dấy khởi dục lạc xong, cảm thấy sinh khởi niềm vui khắp trong thân. Như bậc Thánh từ giữa hai đầu chân mày khởi niềm vui của bậc Thánh xong, sinh khởi diệu lạc khắp trong thân. Như thế, người dâm kia ở chỗ này, khởi thú vui về dục xong, cảm thấy niềm vui khắp trong thân.

Ngăn chặn được kiết: Đình chỉ trong giây lát.

Dựa vào thức thân nhiễm ô: Dựa vào ba thứ khác, sinh thức thiện, bất thiện, vô ký: Dựa vào nam căn, nữ căn xong, sẽ sinh ra thức thân bất thiện, không phải thiện, không phải vô ký.

Người quyết định hành dâm: Tập tạo tâm dâm, chẳng phải không tập theo tâm dâm.

Do năm việc kể trên nên nam căn, nữ căn được gọi là căn.

Lại có thuyết nói: Trong ấy, mạng căn có sáu, nên nói là căn đệ nhất nghĩa. Mạng căn có sáu là nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, mạng căn.

Hỏi: Vì sao?

Đáp: Vì đây là chủng loại căn bản của chúng sinh.

Hỏi: Như chủng loại căn bản chúng sinh này, Các căn khác các nhân vào đâu mà được gọi là căn?

Đáp: Nhân nơi chủng loại, nhân nơi sự nhiễm trước, nhân nơi pháp tịnh, nhân nơi pháp đã tịnh.

Nhân nơi chủng loại như ý căn. Nhân nơi sự nhiễm đấm như năm thống (thọ). Nhân nơi pháp tịnh của năm căn như tín v.v... Nhân nơi

pháp đã tịnh, tức ba căn vô lậu.

Vì thế cho nên căn khác được tên.

Hỏi: Nam căn, nữ căn nhân vào đâu mà được gọi là căn?

Đáp: Dựa vào trong đây chuyển sinh làm người, cũng sinh làm người xuất thế.

Người do chuyển biến sinh: Như Lục sư (sáu giáo chủ ngoại đạo) sinh người xuất thế như Phật, Bích-chi-Phật, Thanh văn. Vì thế cho nên nam căn, nữ căn được tên.

Hoặc nói: Mạng căn có tám, nên nói là căn đệ nhất nghĩa. Mạng căn có tám là nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, nam, nữ, mạng căn.

Hỏi: Vì sao?

Đáp: Vì đó là chủng loại căn bản của chúng sinh.

Hỏi: Nếu đó là chủng loại căn bản thì các căn khác kia sẽ do pháp nào mà được tên?

Đáp: Nhân nơi chủng loại, nhân nơi sử nhiễm đấm, nhân nơi tịnh, nhân nơi đã tịnh nên được tên là căn:

Nhân nơi chủng loại như ý căn. Nhân nơi sử nhiễm đấm như năm thống (thọ). Nhân nơi tịnh như năm căn như tín, v.v... Nhân nơi đã tịnh như ba căn vô lậu. Vì lẽ này, nên các căn khác được mang tên.

Đây là căn, tánh của căn đã gieo trồng nơi thân nên hiện có một cách tự nhiên.

Đã nói tánh của căn xong, kế là nói về hành.

Hỏi: Vì sao gọi là căn? Căn có nghĩa gì?

Đáp: Nghĩa tăng thượng là nghĩa của căn. Nghĩa sáng tỏ là nghĩa của căn, nghĩa thâm vào là nghĩa của căn. Nghĩa y cứ là nghĩa của căn. Nghĩa tối thượng là nghĩa của căn, nghĩa thù thắng là nghĩa của căn, nghĩa vi diệu là nghĩa của căn, nghĩa sinh khởi là nghĩa của căn.

Hỏi: Nếu nghĩa tăng thượng là nghĩa của căn, thì tất cả pháp hữu vi mỗi pháp đều có tướng tăng trưởng, pháp vô vi cũng có tướng tăng trưởng, vì sao chỉ lập thành hai mươi hai căn?

Đáp: Vì duyên tăng thượng này hoặc tăng trưởng, hoặc yếu kém, hoặc mâu nhiệm, hoặc là dưới thấp. Nghĩa là pháp vô vi duyên với tăng trưởng và vi diệu, nên biết là hai mươi hai căn. Nói duyên tăng thượng này yếu kém dưới thấp nên biết là các pháp khác.

Hoặc nói: Mặc dù tất cả các pháp hữu vi mỗi pháp đều cùng tăng trưởng và pháp vô vi cũng tăng trưởng như pháp hữu vi, nhưng ở các pháp khác không có duyên tăng thượng.

Tăng như thế, sáng tỏ như thế, gồm thâm như thế, chủ yếu như thế,

tối thượng như thế, thù thắng như thế, vi diệu như thế, đều như hai mươi hai căn.

Như mọi người mỗi người đều tăng trưởng, song nơi pháp khác không có duyên tăng trưởng. Như ông chủ trong làng xã, vua trong nước, vua Chuyển luân của bốn thiên hạ, Phạm vương của cõi Đại thiên, Phật - Thế Tôn của thế giới Tam thiên đại thiên.

Như thế, dù tất cả pháp hữu vi, mỗi pháp đều tăng trưởng và pháp vô vi, pháp hữu vi cùng tăng, song ở các pháp khác không có tăng trưởng.

Tăng như thế, sáng tỏ như thế, thâm vào như thế, y cứ như thế, tối thượng như thế, thù thắng như thế, vi diệu như thế đều như hai mươi hai căn. Do đó nên nói nghĩa tăng trưởng, nghĩa sáng tỏ, nghĩa thu vào, nghĩa y cứ, nghĩa tối thượng, nghĩa thù thắng, nghĩa vi diệu, nghĩa sinh khởi là nghĩa của căn.

Hỏi: Nếu nghĩa tăng trưởng là nghĩa của căn thì căn này dùng chỗ nào làm duyên tăng trưởng?

Đáp: Dùng bốn việc của nhãn căn làm duyên tăng trưởng:

1. Thân mình khôi ngô xinh đẹp.
2. Giữ gìn thân mình.
3. Nương tựa để sinh thức.
4. Việc không chung.

Thân mình khôi ngô xinh đẹp: Đây đủ các căn, thân thể hoàn hảo. Như người không có mắt, người ấy không phải thân khôi ngô xinh đẹp, gây nhiều chán ghét. Như người có mắt, khuôn mặt xinh đẹp, ai cũng ưa thích. Đây là sự đoan nghiêm của thân mình.

Như mắt nhìn thấy vật tốt xấu, bỏ xấu theo tốt, khiến thân đứng lâu. Đây gọi là giữ gìn thân mình.

Nương tựa sinh thức: Dựa vào mắt sinh ra nhãn thức. Đây gọi là nương tựa sinh thức.

Việc không chung: Nhãn căn thấy sắc. Việc này, các căn khác không có.

Nhĩ căn cũng có bốn sự làm duyên tăng trưởng:

1. Thân mình đoan nghiêm.
2. Giữ gìn thân mình.
3. Nương dựa để sinh thức.

4. Việc không chung. Thân mình xinh đẹp: Khiến thân rất xinh đẹp, đầy đủ tất cả thân phần, nếu tai không có thì chẳng phải xinh đẹp, thường bị ghét bỏ. Nếu có tai, khuôn mặt xinh đẹp thì mọi người không

ghét bỏ. Đó là thân mình xinh đẹp. Giữ gìn thân mình: Tai nghe điều tốt xấu bỏ việc xấu theo việc tốt, khiến thân trụ lâu dài, đó là giữ gìn thân mình. Nướng tựa để sinh thức: Nướng vào tai này mà sanh ra nhĩ thức, đó là nướng tựa để sinh thức. Việc không chung: Tai nghe tiếng, việc này căn khác không làm được.

Lại có thuyết nói: Nhãn căn giữ lấy thân sinh tử làm duyên tăng thượng. Như kệ nói:

*Mắt thấy các ác
Như thật nên tìm
Tuệ do giữ đời
Trừ bỏ các ác.*

Nhĩ căn giữ lấy pháp thân làm duyên tăng thượng, như kệ nói:

*Nghe pháp nên biết
Nghe ác chẳng làm
Nghe trừ nghĩa sai
Nghe được tịch diệt.*

Lại có thuyết nói: Nhãn căn, nhĩ căn cùng nhau duy trì thân sinh tử và pháp thân làm duyên tăng thượng, duy trì thân sinh tử như trước đã nói. Duy trì pháp thân: nhãn căn gần gũi thiện tri thức đọc tụng học hỏi.

Nhĩ căn nghe pháp, gần gũi thiện tri thức và nghe pháp, sau đó tư duy suy niệm hưởng về pháp. Vì thế cho nên Khế kinh ấy nói: Bấy giờ Phạm ma và Phạm Chí hai căn không hoại là: Nhãn căn và nhĩ căn.

Hỏi: Vì sao trong tất cả căn nói hai căn bất hoại nhãn căn và nhĩ căn.

Đáp: Hai căn nhập vào Phật pháp là môn, là độ, là đạo, cho nên trong tất cả căn nói hai căn bất hoại là nhãn căn và nhĩ căn.

Tỷ căn, thiệt căn, thân căn cũng dùng bốn việc làm duyên tăng thượng: Một là thân mình đoan nghiêm. Hai là giữ gìn thân mình. Ba là nướng tựa để sinh thức. Bốn là việc chẳng chung. Thân mình đoan nghiêm: Khiến thân rất xinh đẹp, đầy đủ tất cả thân phần. Nếu ba căn không đầy đủ thì chẳng phải xinh đẹp, bị mọi người ghét bỏ. Ba căn đầy đủ, khuôn mặt xinh đẹp, mọi người không ghét bỏ. Đó là thân mình xinh đẹp. Giữ gìn thân mình: Nướng vào ba căn này chung cả đoàn thực, đoàn thực tức là ba nhập hương vị thơm ngon, đó là giữ gìn thân mình. Nướng tựa để sanh ra thức: Nướng vào ba căn này để sanh ra thức, đó là nướng tựa để sanh ra thức. Việc không chung: Mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, thân biết mịn màng trơn láng, việc này căn khác không làm

được.

Ý căn có hai việc làm duyên tăng thượng:

1. Tiếp nối sinh ra hữu trong vị lai.

2. Tự tại, kế là sinh ra hữu ở vị lai. Như Phật đã nói: A-nan! Nếu thức không vào thai mẹ thì đâu có danh sắc, màng bọc dần dần dầy lên phải không? A-nan thưa: Bạch không! Thưa Thế Tôn! Vì đây là kế sinh hữu trong vị lai.

Tự tại: Như Phật đã nói: Tỳ-kheo! Tâm lôi kéo cả thế gian, tâm tạo phiền não, tâm sinh tự tại.

Lại có thuyết nói: Ý căn lại có hai việc làm duyên tăng thượng:

1. Nhiễm đấm.

2. Thanh tịnh.

Nhiễm đấm, như nói: Tâm nhiễm đấm, chúng sinh nhiễm đấm.

Thanh tịnh, như nói: Tâm thanh tịnh, chúng sinh thanh tịnh. Đây nói là ý căn, dùng hai làm duyên tăng thượng.

Nam căn, nữ căn cũng có hai việc làm duyên tăng thượng:

1. Nêu bày căn.

2. Đoạn căn.

Nêu bày căn: Xưa có một người trưởng thành cũng không biết là nam, cũng không biết là nữ. Nếu sinh một ít tạo sắc, vì nhân một ít tạo sắc, nên nữ căn khác, xứ sở khác, mặc áo khác, giọng nói khác, uống ăn khác, đi lại khác. Nam căn cũng khác.

Lại có thuyết nói: Nam căn, nữ căn này lại có hai việc làm duyên tăng thượng:

1. Nhiễm đấm.

2. Thanh tịnh.

Nhiễm đấm: Vì không phải dâm, nên nói là chủ tăng thượng, trong đây không có sự ngờ vực.

Hỏi: Nếu không phải dâm, thì việc này thế nào?

Đáp: Nếu có đủ hai căn này thì người kia đã nhận lấy điều chẳng phải oai nghi, có thể khởi năm tội nghịch, dứt bỏ căn thiện, diệt hết tất cả chủng tử thiện, phá hoại hết thủy căn thiện. Người này không thành tánh nam, không thành nam. Không có căn, hai căn, không thể tạo ra ngần ấy việc ác.

Thanh tịnh: Nếu có đủ hai căn này, thì người kia sẽ thọ giới cụ túc, đủ oai nghi, có thể khởi oai nghi nơi định, oai nghi vô lậu, dứt trừ kiết cội Dục, kiết cội Sắc, sẽ chứng được quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, quả Bích-chi-Phật, quả Phật.

Người này không thành tánh nam, không thành nam, không có căn, hai căn, đều không thể tạo ra ngần ấy công đức. Đó là nói nam căn, nữ căn dùng hai việc làm duyên tăng thượng.

Mạng căn có hai việc làm duyên tăng thượng:

1. Thiết lập căn.
2. Đoạn căn.

Thiết lập căn: Lúc nào mạng còn nói là có căn, chết rồi sẽ có căn gì không?

Lại có thuyết nói: Mạng căn có bốn việc làm duyên tăng thượng:

1. Chủng loại.
2. Chủng loại nối tiếp.
3. Chủng loại được duy trì.
4. Chủng loại hành không dứt.

Đây là nói bốn việc của mạng căn làm duyên tăng thượng.

Năm thọ căn hoàn toàn nhiễm đấm, làm duyên tăng thượng. Nhân nơi năm thống (thọ) này khiến chúng sinh chạy khắp Đông, Tây, Nam, Bắc, vượt qua đường ván, vượt qua đường gai, con đường đầy cỏ sắc, gai góc, vượt qua con đường núi nguy hiểm, qua đảo La-sát, vào biển cả, nước chảy cuồn cuộn, sóng dậy chập chùng, núi Thất-tao-ma-la, gió đen nghịt hòa với màu nước biển thổi lên dữ dội, vượt qua chỗ của loài rồng ác, để cầu tìm của báu, tất cả đều là năm thống (thọ).

Lại có thuyết nói: Lạc căn, hỷ căn cũng có hai việc làm duyên tăng thượng:

1. Nhiễm đấm.
2. Thanh tịnh.

Nhiễm đấm. Như nói: Lạc thọ, sử ái sai khiến.

Thanh tịnh. Như nói: Thích tâm mình định.

Khổ căn, ưu căn cũng có hai việc làm duyên tăng thượng:

1. Nhiễm đấm.
2. Thanh tịnh.

Nhiễm đấm, như nói: Khổ thống (thọ) là do sử giận dữ sai khiến.

Thanh tịnh, như nói: Do khổ mà tu tập,

Tín căn, hộ (xả) căn cũng dùng hai việc làm duyên tăng thượng:

1. Nhiễm đấm.
2. Thanh tịnh.

Nhiễm đấm, như nói: Bất khổ, bất lạc thống (thọ) bị sử si sai khiến.

Thanh tịnh, như nói: Dựa vào sáu xuất ly để lìa bỏ chỗ tập khởi,

nướng dựa để tạo lập rồi: Nghĩa là căn này dựa vào sáu dục xả nên trừ bỏ, do đó, các thứ kia được.

Như vậy, năm thống (thọ) căn có hai việc làm duyên tăng thượng: Năm căn như tín v.v... hoàn toàn dùng thanh tịnh làm duyên tăng thượng, như kệ nói:

*Tín vượt qua dòng
Biển không buông lung
Đến dứt bỏ khổ,
Do tuệ thanh tịnh.*

Như nói: Xá-lợi-phất! Tín thành tựu chẳng? Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni trừ bỏ bất thiện, tu hành việc thiện.

Lại như chỗ nói: A-nan! Tinh tiến có thể chuyển thành đạo. Hoặc như nói: Xá-lợi-phất! Đệ tử bậc Thánh đã thành tựu năng lực tinh tiến, trừ bỏ bất thiện, tu hành pháp thiện.

Như chỗ nói: Ta noi niệm trong tất cả.

Như nói: Xá-lợi-phất! Đệ tử bậc Thánh đã thành tựu niệm, như người giữ cổng, trừ bỏ pháp bất thiện, tu hành điều thiện, như nói kệ:

*Định chính là đạo
Không định, không đạo
Định đã tự biết
Năm ấm tịnh, suy.*

Như nói: Xá-lợi-phất! Đệ tử bậc Thánh đã thành tựu ba tam-muội, phải dứt bỏ bất thiện, tu hành điều thiện. Như kệ nêu:

*Tuệ là diệu thế gian
Hay khởi, có chỗ đến
Hay dùng Đẳng chánh trí
Hết sinh, già, bệnh, tử.*

Như nói: Tuệ vượt qua trên tất cả các pháp. Như nói: Các em! Đệ tử bậc Thánh đã dùng dao tuệ cắt đứt tất cả các thứ kiết, phược, sử, não, triền, cắt nữa, đánh nữa, đánh cắt, lột bỏ. Chỗ vị tri căn, chưa thấy, chỗ sẽ thấy là duyên tăng thượng. Dĩ tri căn, chỗ đã thấy, sẽ trừ các điều ác là duyên tăng thượng. Căn vô tri đã diệt trừ mọi điều ác, hiện pháp thọ lạc, làm duyên tăng thượng. Đây là nói về duyên tăng thượng trong hai mươi hai căn.

Hành chung đã nói xong, kể nói về hành riêng.

Hỏi: Thế nào là Nhãn căn?

Đáp: Nghĩa là mắt đối với sắc đã thấy, sẽ thấy, đang thấy và tất cả các sắc còn lại này, Đã thấy là quá khứ, sẽ thấy là vị lai, đang thấy là

hiện tại và tất cả các sắc còn lại này là nhãn thức kia hoặc không, hoặc chẳng phải không. Như nhãn căn, thì nhĩ, tỷ, thiệt, thân căn cũng vậy.

Hỏi: Thế nào là Ý căn?

Đáp: Nghĩa là ý đã nhận thức, sẽ nhận thức, đang nhận thức và tất cả pháp còn lại. Đã nhận thức là quá khứ, sẽ nhận thức là vị lai, đang nhận thức là hiện tại, và tất cả pháp còn lại là tương ứng với ý thức kia.

Hỏi: Thế nào là Nữ căn?

Đáp: Là phần nhỏ của thân căn.

Hỏi: Thế nào là Nam căn?

Đáp: Là phần nhỏ của thân căn.

Hỏi: Như cực vi của thân từ chân đến đỉnh đầu, vì sao đối với chỗ phần ít của thân căn, nói là nam căn, nữ căn?

Đáp: Tôn giả Bà-tu-mật nói: Do hai căn này khiến cho chúng sinh được gọi là nam, là nữ.

Hỏi: Hai căn được gọi là hai hình vì muốn cho hai hình này có tên phải không?

Tôn giả Đàm-ma-đa-la nói: Các vị! Trong hai căn này, chúng sinh, Phật, Bích-chi-Phật, Thanh văn, Tiên nhân văn ni, đều khéo ưa thích, khéo chế ngự.

Hỏi: Thế nào là Mạng căn?

Đáp: Là thọ mạng của ba cõi.

Hỏi: Vì sao trong hành ẩm bất tương ưng mạng căn được lập, còn chủng loại căn không được lập?

Đáp: Vì quả báo của mạng căn là nhân hạnh của tất cả báo, nên chủng loại này không nhất định: Hoặc quả báo, hoặc quả của y báo. Vì lẽ ấy, nên mạng căn lập trong căn, còn chủng loại căn thì không lập.

Hỏi: Thế nào là Lạc căn?

Đáp: Lạc thọ, xúc (cánh lạc) nghĩa là trong thân, tâm nấy sinh thiện, lạc, có thể nhận biết là thọ lạc, đó là lạc căn.

Hỏi: Thế nào là Khổ căn?

Đáp: Là khổ cánh lạc xúc, nếu sinh thân bất thiện khổ thì có thể nhận biết cảm thọ ấy, đó là nói về khổ căn.

Hỏi: Thế nào là Hỷ căn?

Đáp: Là Hỷ cánh lạc xúc. Như trong tâm nấy sinh điều thiện lạc thì nhận biết cảm thọ ấy. Đây gọi là hỷ căn.

Hỏi: Thế nào là Ưu căn?

Đáp: Là Ưu cánh lạc xúc. Nếu trong tâm nấy sinh bất thiện, khổ,

thì nhận biết cảm thọ ấy. Đây gọi là ưu căn.

Hỏi: Thế nào là Hộ căn (xả căn)?

Đáp: Là Bất khổ, bất lạc cánh lạc xúc. Nếu tâm nảy sinh chẳng phải thiện, chẳng phải bất thiện, thì nhận biết được cảm thọ ấy. Đây gọi là hộ (xả) căn.

Hỏi: Thế nào là Tín căn?

Đáp: Là lúc tu hành không dục, thực hành pháp thiện. Nếu tin, có thể tin, lại tin, lại dốc sức tin, những gì đã hiểu, sẽ hiểu, đang hiểu, khuất phục ý tâm thanh tịnh, đó gọi là tín căn.

Hỏi: Thế nào là Tinh tiến căn?

Đáp: Là lúc tu hành không dục, thực hành pháp thiện. Nhờ năng lực phương tiện khiến tinh tiến, siêng năng với những khả năng đã có, đang có, sẽ có, có thể giữ tâm vững vàng. Đó gọi là tinh tiến căn.

Hỏi: Thế nào là Niệm căn?

Đáp: Là lúc tu hành không dục, thực hành pháp thiện, hoặc nhớ nghĩ, tiếp theo nhớ nghĩ, thường nhớ nghĩ, đã ghi nhớ, sẽ ghi nhớ, đang ghi nhớ, không quên tâm chánh niệm, đó gọi là niệm căn.

Hỏi: Thế nào là Định căn?

Đáp: Là lúc tu hành không dục, thực hành pháp thiện. Nếu tâm trụ, cùng trụ, trụ trên hết, không có tán loạn, gồm thu chánh định, đó gọi là định căn.

Hỏi: Thế nào là Tuệ căn?

Đáp: Là lúc tu hành không dục, thực hành pháp thiện. Như lựa chọn, lựa chọn pháp, lựa chọn sự nhìn nhận, nhìn nhận bình đẳng, nhìn nhận trên hết thấu rõ chỗ bình đẳng, thấu rõ về cảnh vật, mắt nhận biết về trí tuệ hành quán, đó gọi là tuệ căn.

Hỏi: Thế nào là Vị trí căn?

Đáp: Như người chưa thấy, chưa quán gọi là tuệ căn của hàng tuệ học và các căn: kiên tín, kiên pháp, chưa quán bốn đế năng quán. Như người chưa thấy tức chưa thấy rõ Đế (bốn đế). Chưa quán tức chưa quán đế. Tuệ căn của hàng tuệ học tức gọi là tuệ căn. Và các căn kiên tín, kiên pháp, chưa quán bốn đế năng quán tức là tám căn (ý, hỷ, lạc, xả, tín, tấn, niệm, định) cộng với tuệ căn là chín. Chín căn này hợp lại gọi là vị trí căn.

Hỏi: Vì sao tuệ nói hai tên, còn phẩm đạo khác chỉ nói một?

Đáp: Vì sự nêu bày và ý nghĩa đều vi diệu, nên trong tất cả các phẩm kia, pháp nào là vi diệu hơn hết? Là tuệ. Như nói: Vua và quyền thuộc.

Hoặc nói: Gọi là tuệ vì có thể thực hiện ba quán:

1. Quán sự.
2. Quán kiến.
3. Quán duyên.

Nghĩa là pháp tương ứng của tuệ kia tuy có hai quán: quán sự, quán duyên, nhưng chẳng phải quán kiến, vì tánh của hai pháp quán ấy không phải tuệ. Nghĩa là pháp cộng hữu ấy tuy có một quán là quán sự, nhưng không phải quán kiến, do tánh chẳng phải tuệ. Cũng chẳng phải quán duyên, vì không phải pháp duyên, nên tuệ này có thể có ba quán, là lẽ cố nhiên.

Hoặc nói: Tuệ kiến kiết không thể trụ lâu, như sâu trùng ẩn núp trong đất, vừa thấy vật lại chui xuống đất ngay. Cũng thế, tuệ kiến kiết không thể trụ lâu.

Hoặc nói: Nghĩa là tuệ soi sáng ý, giặc kiết không thể quấy rối, như nhà có đèn, giặc không dám nhiều loạn. Như thế, tuệ chiếu sáng ý, giặc kiết không thể quấy nhiễu.

Hoặc nói: Nghĩa là không có trí thì bị trói buộc, có trí thì giải thoát.

Hoặc nói: Ở trong pháp Phật, người có trí luôn được an lạc, có thể giác ngộ tức là vi diệu. Người mù đi vào đảo châu báu như người không có trí đi vào pháp Phật, Người có mắt đi vào đảo châu báu như người có trí đi vào pháp Phật. Là nói trong pháp Phật, người có trí luôn được an lạc, có thể giác ngộ tức là vi diệu.

Hoặc nói: Tuệ có thể quán sự mù lòa của phẩm đạo khác. Như người mù kia nhóm họp những người có mắt, đã vì họ mà dẫn đường. Như thế, tuệ trong sự mù lòa của các phẩm đạo khác có thể quán sát, dẫn dắt họ đi vào chân đế báu.

Hoặc nói: Tuệ kia như người thuyết giảng, mắt, đầu đều nhận biết, nhận biết về đạo chủng, chủng đạo.

Hoặc nói: Tuệ có thể soi sáng tất cả các pháp, việc ngoài đây, như mặt trời, mặt trăng, các vì sao, ngọc ma-ni, cỏ thuốc, chuỗi anh lạc, cung điện, có thể chiếu sáng một cõi, một nhập, một ấm, một đời, một ít đối tượng được nhập.

Một giới là cõi Sắc. Một nhập là sắc nhập. Một ấm là sắc ấm. Một đời là hiện tại. Tuệ này có thể chiếu sáng mười tám giới, mười hai nhập, năm ấm, ba đời.

Hoặc nói: Tuệ có công năng dứt trừ tự tướng và cộng tướng của các pháp, tạo lập tự tướng và cộng tướng của các pháp, hủy hoại hạt

giống si và duyên si, ở trong các pháp hành hóa không điên đảo.

Hoặc nói: Tuệ kia, nói như ở giảng đường đã nói: Chư hiền! Ta dựa vào giới, lập giới, lên giới, đã bước lên giảng đường Vô thượng tuệ, chỉ vận dụng một ít phương tiện mà quán sát hàng ngàn thế giới.

Hoặc nói: Nghĩa là khi dứt trừ kiết, nói tuệ như dao bén. Như nói: Các em! Là em của bậc Thánh, đệ tử của bậc Thánh, đã dùng dao tuệ cắt đứt kiết, phược sử, triền phiền não, lại cắt đứt, đánh rồi lại đánh, chặt đứt, lột bỏ.

Hoặc nói: Tuệ kia, nói là như châu báu, như nói: Xá-lợi-phất! Đệ tử bậc Thánh đã thành tựu châu báu tuệ, dứt trừ bất thiện, tu hành việc thiện.

Hoặc nói: Phật, Thế Tôn yêu thích tuệ. Phật Thế Tôn chẳng phải yêu sắc, yêu dòng họ, thế lực, tiền của, chẳng phải vì thích cao sang, quyến thuộc, mà chỉ yêu thích tuệ. Đó là lý do khiến tuệ có hai tên gọi, còn phẩm đạo khác thì chỉ có một.

Hỏi: Thế nào là Dĩ tri căn?

Đáp: Là tuệ căn của người đã thấy, đã quán tuệ căn của học tuệ, và các căn như tín giải thoát, kiến đạo, thân chứng, đã quán đế, có khả năng chỉ quán.

Người đã thấy, nghĩa là nói người kia đã kiến đế. Đã quán là nói người kia đã quán đế. Tuệ căn của hàng tuệ học tức là tuệ căn.

Và các căn: Tín giải thoát, kiến đạo, thân chứng đã quán đế, có khả năng chỉ quán: Nghĩa là tám căn. Đây là sự tụ hợp của chín căn, gọi là dĩ tri căn.

Hỏi: Như bậc Vô học cũng có khả năng chỉ quán, như người kia quán từ pháp lui sụt đến pháp không có thối chuyển, pháp không thối chuyển đến pháp niệm, pháp niệm đến hộ pháp, hộ pháp đến thượng pháp, thượng pháp đến không còn nghi. Vậy vì sao nói học chỉ quán mà không nói vô học?

Đáp: Nên nói. Nếu không nói là vì Đức Thế Tôn nói tạm thời.

Vì đây là nghĩa hiện, nghĩa môn hiện, nghĩa lược hiện, nghĩa độ nên biết.

Hoặc nói: Nghĩa là lại dứt kiết, lại thọ quả. Người kia nói chỉ quán tức bậc vô học kia lại không dứt kiết, cũng không thọ quả. Vì thế, cho nên không nói chỉ quán.

Hoặc nói: Nghĩa là lại đoạn phược đắc (đắc là đắc của pháp đắc) lại thọ giải thoát đắc, nên người kia nói chỉ quán. Bậc Vô học kia không còn đoạn phược đắc, cũng chẳng còn thọ giải thoát đắc. Vì thế cho nên không nói chỉ quán.

Hoặc nói: Nghĩa là lại đoạn vô trí, lại đạt được trí, nên người kia nói chỉ quán. Bậc vô học kia dù lại được trí, nhưng không đoạn lại vô trí, vô trí nhiễm ô.

Vì lẽ đó, nên nói học chỉ quán, không nói vô học.

Hỏi: Thế nào là Vô tri căn?

Đáp: Là tuệ căn của hàng tuệ vô học đã thấy xong, đã quán xong và các căn như tuệ giải thoát, câu giải thoát, đã quán đế, hiện pháp thọ lạc. Nói người đã thấy, nghĩa là người kia đã kiến đế. Đã quán, nghĩa là đã quán đế. Tuệ căn của tuệ vô học tức là tuệ căn. Và các căn như tuệ giải thoát, câu giải thoát, đã quán đế, hiện pháp thọ lạc, nghĩa là tám căn. Đây là sự nhóm hợp của chín căn, gọi là vô tri căn.

Hỏi: Như hiện pháp của hàng hữu học cũng thọ lạc. Vì sao nói bậc vô học thọ lạc nơi hiện pháp, mà không nói hàng hữu học?

Đáp: Nên nói, nếu không nói là Đức Thế Tôn nói chưa trọn vẹn, do đó là nghĩa hiện, nghĩa môn hiện, nghĩa lược hiện, nghĩa của độ, nghĩa nên biết.

Hoặc nói: Vì là pháp diệu, nghĩa diệu. Như nói pháp vi diệu thì pháp của hàng hữu học sẽ trội hơn, không phải pháp của bậc vô học, nếu nói về người vi diệu, thì người vô học sẽ trội hơn Hữu học.

Hoặc nói: Nghĩa là sự diệu lạc khinh an này đã bị sự thiêu đốt của kiết ý của người hữu học kia. Cho nên vui mừng không thích thọ nhận. Sự thiêu đốt của kiết ý nơi người vô học này đã tắt mất, thế nên vui mừng thích thọ nhận.

Hoặc nói: Nghĩa là sự tiếp nhận diệu lạc khinh an này rất rộng lớn, người Hữu học kia, hoặc kẻ oán kiết đã hết hay không hết, cho nên ưa thích sự thọ nhận không rộng lớn. Như vua, hoặc đã hàng phục các kẻ thù, hoặc chưa hàng phục. Cho nên, chỗ thọ nhận cảnh giới của nhà vua chẳng rộng lớn lắm. Hữu học này, tất cả kẻ oán kiết đều hết, hoặc không hết nên đã tiếp nhận sự diệu lạc khinh an kia không rộng lớn lắm, người Vô học này, tất cả kẻ oán kiết đều hết, cho nên đã tiếp nhận chỗ diệu lạc khinh an thật là rộng lớn. Như vua đã hàng phục tất cả kẻ thù nên cảnh giới của vị vua ấy thọ hưởng rất rộng lớn. Cũng thế người Vô học này tất cả kẻ thù hết cho nên sự thọ vui rất rộng lớn.

Hoặc nói: Nghĩa là niềm vui hiện pháp, không phải niềm vui sau. Niềm vui nơi hiện pháp của người hữu Học kia về sau cũng vui. Người Vô học này chỉ là niềm vui nơi hiện pháp, chứ không phải là niềm vui về sau. Vì vậy, cho nên nói bậc Vô học tiếp nhận niềm vui nơi hiện pháp, không nói Hữu học.

Hỏi: Ở đây nói và các căn như tuệ giải thoát, câu giải thoát, đã quán đế, tiếp nhận niềm vui nơi hiện pháp. Với ba minh kia, bậc A-la-hán có hay không? Nếu có thì trong đây sao không thấy nói? Nếu không, thì với Khế kinh kia làm sao hiểu? Như Khế kinh kia nói: Tôn giả Xá-lợi-phất đến chỗ Đức Thế Tôn hỏi: Bạch Đức Thế Tôn! Trong năm trăm vị Tỳ-kheo, có bao nhiêu Tỳ-kheo được ba minh? Bao nhiêu Tỳ-kheo được câu giải thoát? Bao nhiêu Tỳ-kheo được tuệ giải thoát? Đức Thế Tôn bảo: Xá-lợi-phất! Trong năm trăm vị Tỳ-kheo này có chín mươi Tỳ-kheo được ba minh, chín mươi Tỳ-kheo đạt câu giải thoát, số Tỳ-kheo còn lại đều đạt tuệ giải thoát. Nay Xá-lợi-phất! Đại chúng đây không phải là cành lá, cũng không phải lông đốt mà là trụ cột thanh tịnh, vững chắc!

Hỏi: Tôn giả Xá-lợi-phất có biết hay không? Nếu đã biết thì vì sao còn hỏi, nếu không biết thì sao lại xưng là Thanh văn Ba-la-mật?

Đáp: Soạn luận này rồi mới nói là biết?

Hỏi: Nếu đã biết thì vì sao còn hỏi?

Đáp: Hoặc có biết mà vẫn hỏi, như có chỗ nói: Phật Thế Tôn biết mà vẫn hỏi. Hoặc nói: Vì người khác nên mới hỏi. Mặc dù Tôn giả Xá-lợi-phất đã biết, nhưng vì trong chúng kia có người không biết. Người không biết đó vì họ không thành tựu pháp vô úy, nên không thể hỏi Đức Thế Tôn. Tôn giả Xá-lợi-phất đã biết, cũng thành tựu pháp vô úy, lại vì người khác nên hỏi Đức Thế Tôn.

Hoặc nói: Vì nhập tánh bình đẳng, muốn thể hiện sự khác, nên hỏi, Đức Phật vì năm trăm Tỳ-kheo kia nói pháp, chư vị đều đạt quả A-la-hán, không còn sinh tử đời vị lai. Đức Thế Tôn trong tâm hoan hỷ, nên nói pháp một cách bình đẳng, ai có thể hiểu được Đức Thế Tôn hoan hỷ, đạt được đệ nhất nghĩa đế, tức đã dứt sinh tử ở vị lai.

Tôn giả Xá-lợi-phất nghĩ rằng: Mặc dù tất cả đại chúng đều chứng được quả A-la-hán, dứt sinh tử ở đời vị lai, đạt được đệ nhất nghĩa đế, hiểu được tâm Đức Thế Tôn hoan hỷ hài lòng, nhưng vẫn chưa biết được ai siêng năng tinh tiến, ai không siêng năng tinh tiến? Vì thế cho nên Tôn giả đã nhập vào tánh bình đẳng hiện bày sự khác nhau để hỏi.

Hoặc nói: Nhân nơi đạo quả của đại chúng kia, nên Đức Thế Tôn nói pháp bình đẳng, còn Tôn giả Xá-lợi-phất vì sự khác nhau của đạo, nên hỏi.

Hoặc nói: Đức Phật nhân nơi đạo giải thoát vô vi kia mà nói pháp bình đẳng, còn Tôn giả Xá-lợi-phất thì đối với sự khác biệt của giải thoát hữu vi, nên hỏi.

Hoặc nói: Vì sự quan hệ với ý nguyện của thí chủ, nên hỏi. Nghĩa là, nếu thọ nhận sự cúng dường của thí chủ trong bốn tháng mùa hạ, thì với ý nguyện của thí chủ kia, phải rộng mở tâm như thế này: Đây là ruộng phước rất tốt đẹp, vì diệu, đừng nghĩ là thí chủ gieo trồng trên thửa ruộng cần cỗi!

Hoặc nói: Thiếu dục, khôi phục kho tàng công đức, để hiển bày cho thế gian biết. Như người khôi phục kho tàng, phát hiện hiển bày, như thế, dùng thiếu dục để khôi phục kho tàng công đức, nhằm hiển bày, chỉ rõ cho thế gian, nên hỏi.

Hoặc nói: Vì biểu hiện công đức của đệ tử nên hỏi, điều này như thế, như đệ tử hỏi, thầy đáp là nhằm biểu hiện công đức của đệ tử, nên hỏi.

Hoặc nói: Không thực có trí cao ngạo, nhằm tiêu trừ kiêu mạn, tăng trưởng nơi trí, nhằm dứt trừ kiêu mạn, nên hỏi. Nghĩa là người kia đã tạo sự kiêu mạn tăng trưởng nơi trí, nên không thích hỏi. Đức Thế Tôn nói: Tỳ-kheo Xá-lợi-phất hỏi, mười sáu phần tuệ của cõi Diêm-phù-lợi không thể sánh bằng, huống chi là trí kiến phàm phu của các ông có được. Đây nói là không thật sự có trí cao ngạo, nhằm tiêu trừ kiêu mạn tăng trưởng nơi trí, vì dứt trừ kiêu mạn nên hỏi.

Hoặc nói: Vì dứt trừ sự chê bai, nên hỏi. Nhóm dị học phỉ báng Đức Thế Tôn nói rằng: Sa-môn Cù-đàm đã theo Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên để thọ nhận pháp rồi mới giảng nói, thọ nhận vào ban đêm, ban ngày thì thuyết giảng!

Như Tôn giả Xá-lợi-phất chấp tay thưa hỏi, Đức Thế Tôn đáp, đây là nhằm dứt trừ sự chê bai của họ.

Hoặc nói: Vì nhằm dứt trừ sự ganh ghét đối với pháp, nên hỏi. Nếu là người ganh ghét, thì khi người khác nói về công đức, họ sẽ không thích nghe, huống chi là nói. Tôn giả Xá-lợi-phất không có lỗi này, cho nên vì dứt trừ tánh ganh tỵ đối với pháp, nên hỏi.

Hoặc nói: Vì nhằm hiển bày là không có sự cao ngạo và dốc cầu pháp thiện, nên hỏi.

Hoặc nói: Thể hiện sự khéo giảng nói của Đức Thế Tôn, được Đức Thế Tôn ấn chứng, nên hỏi. Như pháp lệnh được giữ kín của vua, nếu không có đóng dấu ấn chứng của vua thì tất cả quan trấn thủ các cửa ải đều sẽ giữ lại không cho qua, cũng thế, nếu khéo giảng nói mà không có sự ấn chứng của Như lai, thì đối với pháp Phật trong quá khứ, bốn bộ chúng sẽ gặp phải khó khăn trở ngại. Như pháp lệnh mật của nhà vua, nếu được vua chấp thuận thì hầu hết các quan trấn giữ nơi cửa ải

sẽ không gây trở ngại. Như thế, nếu khéo giảng nói, được Như lai ấn chứng, thì đối với pháp Phật trong quá khứ, bốn bộ chúng sẽ không bị trở ngại.

Đây là nói về hiện tại, Đức Thế Tôn khéo giảng nói ấn chứng, nên Tôn giả Xá-lợi-phất mới hỏi.

Khi soạn luận này rồi, nói là có bậc A-la-hán đạt ba minh.

Hỏi: Nếu vậy, đối với kinh kia sẽ hiểu, còn trong kinh này vì sao không nói?

Đáp: Lẽ ra nên nói, nếu không nói, thì Đức Thế Tôn nói chưa trọn vẹn.

Hoặc nói: Tôn giả kia đã nói, nếu có A-la-hán đạt ba minh thì hoặc là tánh tuệ giải thoát, hoặc câu giải thoát. Đã nói về tuệ giải thoát phải biết là đã nói về A-la-hán tánh tuệ giải thoát đạt ba minh. Đã nói về câu giải thoát phải biết là đã nói về A-la-hán tánh câu giải thoát, đạt ba minh. Người giảng nói lại có hai sư: Tôn giả Thị-vi-la, Tôn giả Cù-sa-phi-ma. Tôn giả Thị-vi-la thì tán dương chỗ nói về tuệ vi diệu, Tôn giả Cù-sa-phi-ma thì khen ngợi về định diệt tận vi diệu. Tôn giả Thị-vi-la nói: Tuệ thù thắng, không phải định diệt tận, tuệ là duyên bình đẳng, còn định diệt tận là duyên không bình đẳng. Tôn giả Cù-sa-phi-ma nói: Định diệt tận vượt trội hơn, không phải tuệ, vì tuệ thì người phàm cũng có, còn định diệt tận thì người phàm chẳng có được.

Nếu nói cho đúng thì tuệ không phải định diệt tận, vị ấy nói: Nếu có ba minh thì không có tám giải thoát, ấy là nói về A-la-hán đạt ba minh, nghĩa là ba minh thì có tám giải thoát. Kia cũng nói ba minh, vì sao? Vì tuệ kia thù thắng, không phải định diệt tận? Một minh hai minh là tuệ giải thoát. Nếu nói một cách tương xứng, thì định diệt tận không phải tuệ. Kia nói: Nếu có tám giải thoát thì không có ba minh, là nói về câu giải thoát, nếu có tám giải thoát và ba minh thì cũng nói về câu giải thoát, Vì sao nói là định diệt tận thì vượt trội hơn, không phải tuệ? Một minh, hai minh là tuệ giải thoát.

Thuyết giả nói kia, đây chỉ là nói suông, không lợi ích đối với kinh, không lợi ích đối với nghĩa là tốt đẹp, như thế như trước đã nói: Vị A-la-hán đạt ba minh này. Hoặc được định diệt tận, hoặc không được. Nếu được định diệt tận, thì chỗ kia nói là câu giải thoát, Không được thì nói là tuệ giải thoát.

Kế là nói về vị tri căn, dĩ tri căn, vô tri căn.

Hỏi: Nói riêng về thực hành vị tri căn như thế nào?

Đáp: Chưa biết sẽ biết, chưa quán sẽ quán, chưa dứt sẽ dứt, nên

gọi là vị tri căn.

Hỏi: Nếu chưa biết sẽ biết, chưa quán sẽ quán, chưa dứt sẽ dứt, mà nói là vị tri căn, thì khổ pháp nhãn kia sinh rồi, quán năm ấm nơi cõi Dục, khổ pháp trí sinh ở trên, năm ấm nơi cõi Dục đã quán nay quán lại, như thế là quán lại những gì đã quán rồi, Vì sao nói là vị tri căn, không nói dĩ tri căn?

Đáp: Khổ pháp nhãn khi sinh ở cõi Dục mới bắt đầu quán về năm ấm, chưa quán xong những năm ấm ở cõi Dục đã được quán từ khổ pháp trí trước đó.

Hoặc nói: Khổ pháp nhãn sinh năm ấm ở cõi Dục, mặc dù quán năm ấm cõi Dục, nhưng chưa biết khổ pháp trí sinh trước đó. Biết năm ấm nơi cõi Dục nhờ vào trí, nên khổ pháp trí gọi là quán, không phải nhãn.

Hoặc nói: Trước đó do quán tức có sinh đạo (kiến đạo), nhưng đối với các ấm, ý chưa từng quán bị che lấp nên rốt xuống, nên gọi là vị tri căn, chẳng phải dĩ tri căn.

Hỏi: Dĩ tri căn thì thế nào?

Đáp: Đã biết sẽ quán những gì, đã quán những gì sẽ quán, đã dứt những gì sẽ dứt, gọi là dĩ tri căn.

Hỏi: Nếu đã biết những gì sẽ biết, đã quán những gì sẽ quán, đã dứt những gì sẽ dứt là dĩ tri căn thì đạo chưa biết nhãn sinh, trừ những pháp tương ứng cùng có, còn lại là hết thấy pháp trí và quán khác đối với đạo thượng sanh, trí chưa biết ấy, pháp tương ứng cùng có ấy, trí và quán như trong đây, chưa biết sẽ biết, chưa quán sẽ quán, phải gọi là vị tri căn, tại sao cho là dĩ tri căn?

Đáp: Là ngoài, tức ngoài mười sáu tâm kiến đạo. Khi người kia nơi kiến đạo, trí chưa biết, lúc ở trong kiến đạo, kiến đế phải dựa vào các trí và quán của các pháp cùng có tương ứng thuộc trước đây đã quán. Cho nên người kia đã biết những gì chưa biết, chẳng phải chưa biết, quán những gì đã quán, chẳng phải chưa quán.

Hỏi: Trong đây, không hỏi, không trả lời theo phần bên ngoài mười sáu tâm. Nếu kiến đạo trong mười lăm tâm, thì ý nghĩa như thế nào?

Đáp: Tôn giả Tăng-già-bà-tu nói: Khi đang kiến đạo này, chưa biết nhãn hiện ra phía trước, tu vô lượng đạo ở vị lai mà chưa biết nhãn. Nếu người kia tu vô lượng đạo ở vị lai, chưa biết nhãn tức là kia quán các pháp có tương ứng chung, nói rằng: Điều này không nói nữa.

Hỏi: Vì sao vấn đề này không nói?

Đáp: Vì không phải đạo năng quán ở đương lai.

Hỏi: Nếu không như vậy thì vấn đề này sẽ ra sao?

Đáp: Vì phần nhiều, phần nhiều đã quán những gì sẽ quán, một ít là chưa quán những gì sẽ quán. Như đất rộng lớn vô lượng vô biên, quán rồi sẽ quán lại. Như một hòn đất, cũng thế chưa quán sẽ quán. Như hư không vô lượng, vô biên, quán rồi sẽ quán lại. Như chỗ ở của loài muỗi mòng trong hư không, cũng thế chưa quán sẽ quán. Như biển cả vô lượng, vô biên, cũng thế đã quán điều sẽ quán. Như một giọt nước biển, cũng thế chưa quán, sẽ quán. Như núi chúa Tu-di vô lượng, vô biên, cũng thế đã quán điều sẽ quán. Như số hạt cải của núi Tu-di, cũng thế chưa quán điều sẽ quán. Đây gọi là nhiều.

Hoặc nói: Ở trên nói đạo sẽ sanh, sở quán đã từng quán, ý sở quán đã từng quán che lấp, nên rơi xuống, do đó gọi là dĩ tri căn, không phải vị tri căn.

Hỏi: Vô tri căn là sao?

Đáp: Là đã biết những gì sẽ biết, đã quán những gì sẽ quán, không có chưa đoạn những gì có thể đoạn, đây gọi là vô tri căn.

Hỏi: Nếu đã biết, điều sẽ biết, đã quán, điều sẽ quán, không có chưa đoạn những điều có thể đoạn, thì Đức Phật, Bích-chi-Phật, Thanh Văn, cũng đã biết những gì sẽ biết, đã quán những gì sẽ quán, không có, chưa đoạn có thể đoạn, vì sao vì cả ba ngang bằng nhau, vì sao chỉ nói một mình Phật, không nói hai quả vị còn lại?

Đáp: Vì thí giác giác ngộ tất cả các pháp, không phá chánh trí.

Hoặc nói: Lúc mới đạt được tận trí, trừ hai thứ chướng: chướng kiết và chướng sự giải thoát.

Hoặc nói: Trong ý trừ hai thứ nhiễm trước ám si vô tri, và không nhiễm trước cùng đệ nhất nghĩa.

Hoặc nói: Trong ý, trừ hai thứ: Nghi hoặc, mọi nơi và kiết xứ.

Hoặc nói: Sự hiểu biết rộng, không nhầm chán.

Hoặc nói: Là đạt nghĩa tận cùng nơi đáy của pháp duyên khởi sâu xa, chẳng phải như tất cả Thanh văn, Bích-chi-Phật. Thí dụ như ba con thú qua sông: thỏ, ngựa, voi. Thỏ thì nổi mà lội qua sông, ngựa thì ít nhiều chạm vào cát dưới đáy mà lội qua, riêng voi thì đạp cát sát đáy sông mà lội qua.

Cũng thế, ba thừa vượt qua sông duyên khởi: Phật, Bích-chi-Phật, Thanh văn, như thỏ thì nổi mà lội qua sông, cũng như thế nên quán trí duyên khởi của Thanh văn. Như ngựa ít nhiều chạm vào cát dưới đáy mà lội qua, cũng thế nên quán trí duyên khởi của Bích-chi-Phật. Như

voi đập lên tận đáy mà lội qua, cũng thế nên quán trí duyên khởi của Phật Thế Tôn.

Thế nên gọi là đạt được tận cùng nơi đáy của duyên khởi hết mực sâu xa, không phải như tất cả Thanh văn, Bích-chi-Phật.

Hoặc nói: Mũi tên trí bốn Thánh đế cắm thật sâu vào mục tiêu, như không phải là tất cả Thanh văn, Bích-chi-Phật. Thí dụ về một mục tiêu, ba người cùng nhắm bắn chung:

1. Ma-ha-năng-già.
2. Bát-khiên-đề.
3. Na-la-diên.

Ma-ha-năng-già: Dù bắn trúng đích, nhưng không thể ghim vào, huống chi là xuyên qua.

Bát-khiên-đề: Dù bắn trúng đích, có thể ghim vào, nhưng không thể xuyên qua.

Na-la-diên: Bắn vỡ mục tiêu, xuyên qua, rơi xuống đất, mục tiêu kia cũng không hiện.

Mục tiêu kia cứng hay mềm, tùy thuộc vào sức bắn yếu, vừa, khỏe của người bắn, và bắn vỡ mục tiêu cũng có hạ, trung, thượng. Cũng thế, ba thừa cùng bắn chung vào mục tiêu là bốn Thánh đế, tức Phật, Bích-chi-Phật, Thanh văn. Như Ma-ha-năng-già dù bắn trúng đích, nhưng không thể ghim vào, huống chi là xuyên qua. Cũng thế, nên quán trí bốn Thánh đế của Thanh văn, như Bát-khiên-đề dù bắn trúng mục tiêu, có thể ghim vào nhưng không thể xuyên qua. Cũng thế là nên quán trí bốn Thánh đế của Bích-chi-Phật. Như Na-la-diên bắn vào mục tiêu, xuyên qua và rơi xuống đất. Cũng thế, nên quán trí bốn Thánh đế của Phật, mục tiêu là bốn Thánh đế này cũng không hiện bày. Mục tiêu cứng hay mềm tùy thuộc vào trí lực của người kia có thượng trung hạ, mà mục tiêu bốn Thánh đế có thượng trung hạ. Cho nên nói là mũi tên trí bốn Thánh đế đã cắm vào rất sâu, nhưng không phải tất cả Thanh văn, Bích-chi-Phật.

Hoặc nói: Nghĩa là Phật biết mình giác ngộ cùng tận và đầy đủ, Bích-chi-Phật tuy biết mình giác ngộ nhưng không phải cùng tận, Thanh văn không thể tự mình giác ngộ, huống chi cùng tận và đầy đủ. Đây là nói biết mình tự giác ngộ cùng tận đầy đủ.

Hoặc nói: Duyên nơi sự giác ngộ của mình và đều hành trì, Bích-chi-Phật tuy có tự giác ngộ, nhưng không thể hành trì cùng tận. Thanh văn không thể tự giác ngộ huống chi là hành trì cùng tận.

Hoặc nói: Là nói không có hai thứ biện tài, những pháp nói ra

không cùng tận, không khác.

Hoặc nói: Thành tựu thân và những gì thân nương tựa, minh hạnh thành tựu. Chuyển luân Thánh vương, tuy thân thành tựu, nhưng chỗ nương của thân không thành tựu. Thanh văn, Bích-chi-Phật tuy thành tựu về thân, nhưng chỗ dựa của thân không phải thân. Đức Phật thành tựu thân và cũng thành tựu chỗ nương của thân, tức là minh hạnh thành tựu.

Hoặc nói: Ngoài ba thành tựu về sắc, dòng họ, diệu ngữ, lại có ba thành tựu thế nguyện, quả vị, truyền trao.

Hoặc nói: Ba không thủ hộ và ba ý chỉ không chung.

Hoặc nói: Nghĩa là bốn không thủ hộ và bốn không can ngăn.

Hoặc nói: Tức thành tựu bốn trí: trí nhân, trí thời, trí tướng, trí tha thuyết.

Lại có bốn trí:

1. Trí không ngưng trệ (Trí vô tuệ).
2. Trí không trụ (Trí vô trụ).
3. Trí không sai lầm (Trí vô thố).
4. Trí vô ngại (Trí vô ngại).

Hoặc nói: Nghĩa là biết về các thứ nhân, biết về các thứ quả, biết về các thứ đối trị, biết về các thứ ý.

Hoặc nói: Có một không hai, người có đủ phước lực hàng phục ma, không phải như tất cả Thanh văn, Bích-chi-Phật.

Có thuyết nói: Sau khi Bồ-tát dùng bát cháo sữa của Nan-đà, Nan-đà Ba-la rồi bèn nghĩ rằng: Ta ngồi dưới gốc cây này, quyết ngồi kiết già cho đến khi diệt sạch hết hữu lậu.

Ngay lúc đó, cung điện của ma Ba-tuần rung chuyển sáu lần. Ma kia nghĩ thầm: Không biết hiện tượng rung chuyển này là do năng lực của ai? Ma thấy Bồ-tát đang ngồi dưới gốc cây Bồ-đề, liền nghĩ: Quyết ngồi kiết già, cho đến khi dứt hết hữu lậu! Lúc đó, ma Ba-tuần rải hoa như mưa đi đến chỗ Bồ-tát, đến rồi, ma dùng lời lẽ khéo léo nói với Bồ-tát: Bồ-tát Tất-Đạt A-nậu! Chúng sinh của thời kỳ thế gian ô trược này, tâm ý rất ngang bướng. Như thế thời này rất khó có thể đạt được đạo quả Chánh chân vô thượng! Ông hãy đứng dậy. Ta sẽ tặng ông bảy thứ châu báu và một ngàn đứa con, thống lãnh bốn châu thiên hạ, làm Chuyển luân Thánh vương.

Bồ-tát nói: Ba-tuần! Người chớ nhọc công vô ích! Cho dù người nhanh chóng có các thành, xã, thôn ấp, muôn dân, nhà cửa đều bay lên hư không và mặt trời, mặt trăng, các vì sao nơi hư không liền rơi xuống

đất vẫn không thể khiến ta rời khỏi nơi này, cho đến khi dứt trừ hết các thứ hữu lậu!

Ma Ba-tuần nói: Ta đã dùng lời thân ái, tốt đẹp để khuyên, nhưng ông vẫn không chịu đứng dậy, rồi ông sẽ được trông thấy cảnh tượng vô cùng tàn ác!

Nói xong, ma Ba-tuần trở về cõi trời, nói với các vị trời sáu tầng trời cõi dục: Các Hiền! Nên đem các thứ khí giới như mâu, kích, dao, móc sắt, chùy vàng, búa sắt, lưới rập, móc sắt dài ra đây! Ta có kẻ thù hiện đang ngồi dưới gốc cây Bồ-đề.

Lúc này, ma Ba-tuần bỏ về cõi trời không lâu, Bồ-tát liền nghĩ: Thông thường, phàm khi tranh chấp với nhau, do phải đề phòng, nên không thể đứng yên, không đáp trả lại, huống chi Bồ-tát là bậc cao quý, như ở cõi Dục đã lìa bỏ mọi dấu vết của kiết dục, trước đây đã tu tập, nay đều nhanh chóng dứt trừ. Nghĩ xong, liền dùng thần túc biến hóa ra đủ mọi thứ: Nào là hình chuột hóa thành mèo, nào là hình mèo hóa thành chó, nào hình chó hóa hình beo, hình beo hóa thành cọp, hình cọp hóa thành sư tử, nào mang lửa hóa thành mưa, mưa hóa thành dù che.

Bồ-tát tự hóa thành đài lưu ly, ngồi kiết già trong đó, tức là che hình, không che mắt. Biến hóa xong, Bồ-tát nghĩ: Ta đã dùng các thứ biến hóa, nếu khi pháp hành khác của ta có chỗ nào rối loạn, tất nhiên ma Ba-tuần sẽ nhân cơ hội đó để quấy nhiễu. Nếu khi pháp hành khác của ta không rối loạn, thì chúng không thể nào quấy nhiễu ta được!

Nhân việc này, Bồ-tát nghĩ đến thân mạng đời trước, dùng thần thông tác chứng, phát khởi xong, bèn quán khi Bồ-tát tu trì hành hóa chánh pháp, hằng trăm hàng ngàn chúng sinh đã cung cấp cho ta mọi thứ cần dùng. Khi ấy Bồ-tát lại nghĩ: Như các thứ biến hóa của ta, vốn thực hành nhân thiện, sẽ khiến cho dù hàng trăm ngàn ức ma đến đây, cũng không thể nào quấy rối ta được, huống hồ là một ma.

Bồ-tát nghĩ như thế xong, bấy giờ, ma Ba-tuần và mười tám ức ma mặt mũi liền trở nên xấu xí đáng sợ, nhe nanh, thét lên âm thanh cực kỳ độc ác, tay cầm đủ thứ mâu kích, tràn ra khắp ba mươi sáu do-diên, kéo đến chỗ cây Bồ-đề. Đến rồi, chúng nói với Bồ-tát: Tất-Đạt A-nậu! Ông có thấy ác chúng này hay không? Hãy đứng dậy, chớ ở trong đó mà phải chịu lấy vô lượng khổ!

Bồ-tát nói: Ba-tuần! Người nói năng như trẻ con. Khi xưa, người đã bố thí một bữa trai phạn, nhờ diệu lực của nhân quả, nên hôm nay người mới được tự tại như thế!

Ma nói: Ta đã bố thí một bữa trai phạn, còn ông thì bố thí bao

nhiều bữa trai phạn?

Bồ-tát nói: Ta đã bố thí vô lượng trăm ngàn bữa trai phạn.

Ma nói: Ta bố thí đã được ông làm chứng, còn ông bố thí ai làm chứng cho ông?

Lúc này, Bồ-tát đã gồm đủ trăm ngàn phước đức, tướng tốt được trang nghiêm với sắc thân vàng ròng, bèn chấp tay ấn xuống đất, mặt đất liền rung chuyển dữ dội, lấy hiện tượng này để làm chứng.

Bấy giờ, đất này vang lên âm thanh của vật dụng làm bằng bảy báu, khiến đám ma kia nghe xong đều sợ hãi, hàng ngũ tan rã, quay mặt bỏ chạy, buông ra giọng điệu hung ác, rồi theo đường cũ mà về.

Bồ-tát dùng nhục nhãn, thấy chúng ma đã đi khỏi hơn do-diên thì không còn thấy nữa. Bồ-tát nhân thần thông thiên nhãn này làm chứng, phát khởi xong, chỉ thấy mà tai không nghe. Bồ-tát nhân sức thần thông của thiên nhĩ này làm chứng, phát khởi xong, có thể nghe, nhưng không biết được do ý gì mà đám ma kéo đến. Bồ-tát nhân sức thần thông của việc biết tâm ý người khác này làm chứng, phát khởi xong, quán tưởng họ Thích, chúng họ Thích do ý tốt đẹp mà đến, ma, chúng ma thì đến với ác ý. Bồ-tát nghĩ rằng: Ma Ba-tuần vì sao đến đây? Chúng vì quán sát muốn giữ lấy cảnh giới của ma mà đến. Vì sao chúng giữ lấy cảnh giới? Bồ-tát liền nghĩ: Vì kiết! Do đó, Bồ-tát cắt đứt tất cả các kiết xong, trong khoảnh khắc với ba mươi bốn tâm đã thành tựu đạo quả vô thượng Chánh Đẳng chánh giác.

Khoảnh khắc của ba mươi bốn tâm, nghĩa là mười lăm tâm của kiến đạo, trí của đạo vị trí thứ mười sáu, tức là trí của đạo dĩ tri, Bồ-tát này, khi trừ bỏ dục của xứ Hữu tưởng, Vô tưởng là đạo phương tiện dứt trừ chín phẩm kiết xứ Hữu tưởng, Vô tưởng, chín đạo vô ngại, chín đạo giải thoát, đó gọi là khoảnh khắc của ba mươi bốn tâm. Nghĩa là tất cả bậc Chánh Giác đều dựa vào ba mươi bốn tâm này để hàng phục ma và quyến thuộc của chúng, thành Chánh giác tối thượng. Thuyết này là độc nhất vô nhị, nghĩa là dùng uy lực phước đức để hàng phục ma và quyến thuộc của chúng rồi, thành đạo Chánh chân vô thượng, không phải như tất cả Thanh văn và Bích-chi-Phật.

Hoặc nói: Nghĩa là trí đã biết đầy đủ và giác ngộ đạo hạnh, hạnh duyên, duyên căn và nghĩa căn.

Hoặc nói: Tức có mười lực, bốn vô sở úy, mười tám pháp bất cộng.

Hoặc nói: Nghĩa là lia tám pháp thế gian, không thể tính được bờ mé của công đức, cứu giúp các khổ nạn nguy khốn, làm chỗ trở về cho

chúng sinh.

Hoặc nói: Tức là đấng Đại bi từ lâu xa đến nay hội nhập sâu xa, vào khắp tất cả chúng sinh chuyển hành bình đẳng. Từ lâu xa đến nay, tức chỉ cho Đức Phật đã tu hành đủ ba A-tăng-kỳ kiếp. Hội nhập sâu xa tức là giác ngộ về ba khổ (1. Khổ Khổ. 2. Hành khổ. 3. Biến dịch khổ). Đến khắp, tức chỉ duyên vào ba cõi mà đến khắp, tất cả chúng sinh chuyển hành bình đẳng là ý nói tất cả chúng sinh đều bình đẳng, không phân biệt kẻ oán, người thân tất cả chúng sanh đều chuyển hành bình đẳng. Do đó, gọi là đấng Đại bi từ lâu xa đến nay hội nhập sâu xa, cùng khắp tất cả chúng sinh chuyển hành bình đẳng.

Vì thế, cho nên tuy ba thuyết bình đẳng nhưng chỉ nói về một Phật, chẳng phải Thanh văn, Bích-chi-Phật.

Hỏi: Vì sao nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân căn trong sắc ấm được lập là căn, còn sắc, thanh, hương, vị và xúc thì không lập căn?

Đáp: Vì bên trong sắc ấm nên được lập căn, còn ở bên ngoài thì không lập căn. Nghĩa là do số tính chung của chúng sinh trong thời hiện tại mà chúng được gọi là căn, không phân định rõ nên không lập được căn. Có thọ (cảm thọ) thì lập căn, không có thọ không lập được căn. Hoặc là: Khi dứt bỏ phải thọ nhận gánh nặng, nên được lập căn.

Không phân định rõ thì không được lập căn. Nói theo căn thì chúng được lập căn, nói theo nghĩa của căn thì chúng không được lập căn. Cho nên như vậy.

Hỏi: Vì sao trong thọ ấm, lạc thọ được lập hai căn là lạc căn, hỷ căn, khổ thọ cũng được lập hai căn là khổ căn và ưu căn. Vì sao không khổ, không vui lại lập một căn là hộ căn (xả căn)?

Đáp: Lẽ ra phải nói, nếu không nói là do Đức Thế Tôn thuyết giảng theo phương tiện, nghĩa hiện, nghĩa môn hiện, nghĩa lược hiện, nghĩa độ, nên biết.

Hoặc nói: Hai hiện, hai môn, hai lược, hai độ, hai ngọn đuốc, hai ngọn đèn, hai tia sáng hiện, hai xứ. Như lạc thọ, khổ thọ được lập hai căn, không khổ, không vui cũng nên lập hai căn, đây có sự khác nhau. Nghĩa là đối với người kia có thể đạt được khởi hai căn: như không khổ, không vui lập một Căn lạc thọ, khổ thọ là một căn vì hành và số lượng bằng nhau, tức nói người kia khởi một căn. Đó là cách nói hiện hai môn, hai lược, hai độ, hai ngọn đuốc, hai ngọn đèn, hai tia sáng xuất hiện hai số.

Hoặc nói: Vì lìa sự mâu thuẫn. Lạc thọ, khổ thọ trái nhau. Khổ thọ cũng mâu thuẫn với lạc thọ. Bất khổ, bất lạc thọ kia không có mâu

thuần với thọ khác tức là vì lìa sự mâu thuẫn, cho nên như thế.

Hoặc nói: Vì hành chuyển biến khác, nên lạc, lạc thọ này khác với lạc căn. Và chuyển biến khác với hỷ căn. Khổ thống khổ cũng khác với khổ căn và hành chuyển biến cũng khác với ưu căn. Tất cả hành chuyển biến của bất khổ, bất lạc thọ kia khác nhau là lẽ cố nhiên.

Hoặc nói: Lạc lạc thọ hoặc lợi, hoặc bất lợi, hoặc điên cuồng, hoặc không điên cuồng, hoặc dừng, hoặc không dừng hoặc định, hoặc bất định. Nghĩa là người kia không nhảy bén cuồng nhiệt, cuồng nhiệt dừng lại ở định, người kia lập một căn, là lạc căn. Sự cuồng nhiệt nhảy bén không dừng lại, bất định, người đó lập hỷ căn. Khổ thọ cũng thế. Bất khổ, bất lạc thọ kia là tất cả không nhảy bén, không điên cuồng, dừng lại ở định. Vì thế cho nên lạc thọ được lập hai căn: lạc căn và hỷ căn. Khổ thọ cũng lập hai căn: khổ căn và ưu căn. Không khổ, không vui chỉ lập một căn là hộ căn.

Hỏi: Vì sao tướng không lập căn?

Đáp: Vì phần nhiều pháp có không lập trong căn. Sao chỉ hỏi riêng về tướng?!

Hỏi: Sắc ấm, hoặc lập căn, hoặc không lập căn. Như thế, hành ấm hoặc lập căn, hoặc không lập căn. Thọ ấm và thức ấm đều lập căn. Vì sao tướng này đều không lập căn?

Đáp: Vì tướng ấy không có tướng căn, do không có tướng căn nên không lập căn.

Hoặc nói: Căn tự lực vận hành. Tướng nhờ tha lực mới vận hành, như đệ tử và người làm thuê, tùy thuộc vào sự chỉ bảo của đệ tử kia: hễ bảo lấy thì lấy, bảo bỏ thì bỏ. Tướng như thế, nếu thọ đã tỉnh biết thì tướng kia tức tướng. Nếu tư đã tư duy thì tướng kia tức tướng. Nếu thức đã nhận thức thì tướng kia tức tướng.

Tôn giả Bà-tu-mật nói: Vì sao tướng không lập căn? Vì nghĩa tăng thượng là nghĩa của căn, tướng không phải tăng thượng.

Hỏi: Như tất cả pháp hữu vi đều tướng tăng. Pháp vô vi, pháp hữu vi đều tăng. Vì sao tướng chẳng phải là tăng thượng?

Đáp: Vì các pháp có thể phá trừ kiết, pháp đó được lập căn, chứ chẳng phải tướng có thể phá trừ kiết.

Hỏi: Tướng cũng có thể hủy hoại kiết. Đức Thế Tôn đã nói tướng vô thường, tu tập, thường tu tập, là hủy hoại tất cả ái cõi Dục, ái cõi Sắc và Vô Sắc, làm tan hoại tất cả vô minh và mạn, Vì sao nói tướng không thể hủy hoại kiết?

Đáp: Tôn giả Đàm-ma-đa-la nói: Chư vị! Tướng nhờ nơi khác cảm

thọ mà có. Tưởng theo nơi khác mà khởi, như chỗ nương theo thọ. Như tưởng kia nhờ các pháp tâm sở làm duyên rồi sau mới thọ tưởng, cho nên tưởng của các vị là do thọ tưởng của người khác, kia từ người khác khởi, như chỗ nương đã thọ. Vì thế, cho nên tưởng không làm căn.

Hỏi: Vì sao kiết không được lập làm căn?

Đáp: Vì nghĩa tăng thượng là nghĩa của căn, kiết chẳng phải tăng thượng, mà (thọ) đối với kiết mới tăng thượng.

Hỏi: Chỗ tăng thượng của kiết chìm mất trong giải thoát, ở nơi sinh tử xa lìa việc thiện. Vì sao nói kiết không phải tăng thượng?

Đáp: Không tăng thượng như thế. Như chìm mất trong giải thoát, ở nơi sinh tử xa lìa điều thiện. Đây là nói sự xấu ác, chứ không phải tăng thượng.

Hỏi: Thọ này nhân nơi kiết tăng thượng, Vì sao thọ được lập căn, còn kiết thì không được lập?

Đáp: Mặc dù thọ nhân kiết khởi, nhân nơi kiết mà được tăng thượng, nhưng kiết là thấp kém. Như chủ tôn quý, trong thành đặt ra người giữ cổng. Người giữ cổng kia dù gia tăng điều ác, nhưng không phải duyên tăng thượng. Chủ tăng thượng như thế, thọ như thế, mặc dù nhân nơi kiết khởi, nhân nơi kiết mà được tăng thượng, nhưng kiết là thứ thấp kém. Vì thế cho nên thọ được lập căn, kiết không lập làm căn.

Hỏi: Vì sao thọ thiện, nhiễm ô, vô ký không ẩn giấu, tất cả đều được lập căn, tuệ, nghĩa là thiện, tuệ đó được lập căn. Nhiễm ô, vô ký không ẩn giấu không lập căn?

Đáp: Thọ, là chỗ y cứ của kiết. Cho nên thiện, nhiễm ô, vô ký không ẩn giấu đều được lập căn. Tuệ là chỗ y cứ của pháp thiện, nghĩa là thiện nên tuệ kia thuộc về pháp thiện. Gọi là nhiễm ô, tức pháp ấy đã dứt trừ pháp thiện. Gọi là vô ký không ẩn giấu tức không thể sử dụng. Vì thế cho nên thọ thiện, nhiễm ô, vô ký ẩn giấu đều lập căn. Tuệ gọi là thiện, tuệ đó được lập căn, nhiễm ô, vô ký không ẩn giấu không lập căn.

Hỏi: Nếu nghĩa diệu là nghĩa của căn thì Niết-bàn là tối diệu của tất cả các pháp, Vì sao không lập căn?

Đáp: Vì Niết-bàn kia hủy hoại căn, chẳng phải căn, như xe hủy hoại chẳng phải xe, bình hủy hoại chẳng phải bình, tài vật hủy hoại chẳng phải tài vật. Như thế, căn Niết-bàn hủy hoại không phải căn.

Hoặc nói: Căn, nghĩa là rơi vào sinh, già, vô thường. Niết-bàn không rơi vào sinh, già, vô thường.

Hoặc nói: Căn có nhân đạt được tướng hữu vi, Niết-bàn thì không

có nhân đạt được tướng vô vi.

Hoặc nói: Căn là sự chuyển biến nơi đời, tạo tác hành động nhận quả, có thể biết duyên. Niết-bàn thì không phải là thay đổi nơi đời, không tạo tác hành động, không nhận quả, không biết duyên.

Hoặc nói: Căn thì trước sau có thể đạt được, Niết-bàn thì không có trước, sau.

Hoặc nói: Căn thì hạ trung thượng có thể đạt được, Niết-bàn thì là hạ-trung-thượng.

Hoặc nói: Căn thì rơi vào thế gian, Niết-bàn thì là thế gian. Hoặc nói: Căn nghĩa là ấm, Niết-bàn là ấm.

Hoặc nói: Căn bị khổ ràng buộc, Niết-bàn thì là khổ.

Hoặc nói: Pháp hữu vi là nhân nơi hành nên nói nghĩa diệu là nghĩa của căn, chỉ Niết-bàn là vi diệu trong tất cả pháp hữu vi.

Nói rộng về xứ của hai mươi hai căn xong.

* * * * *